

HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

ĐẶNG MINH PHƯƠNG

**CHẾ ĐỊNH VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
TRONG HIẾN PHÁP VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật
Mã số: 60 38 01 01

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2014

**Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Cán bộ hướng dẫn khoa học: TS. ĐẶNG MINH TUẤN

Phản biện 1:.....

Phản biện 2:.....

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2014

Có thể tìm hiểu luận văn tại

Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội

Trung tâm tư liệu – Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội

MỤC LỤC

Trang

Trang phụ bìa

Lời cam đoan

Mục lục

MỞ ĐẦU 1

Chương 1: SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA VIỆN

KIỂM SÁT NHÂN DÂN 8

1.1. Vị trí, vai trò của Viện kiểm sát nhân dân trong Nhà nước

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 8

1.2. Viện kiểm sát nhân dân qua các bản Hiến pháp Việt Nam.....21

1.2.1. Cơ quan công tố - tiền thân của Viện kiểm sát nhân dân theo quy định của Hiến pháp 194621

1.2.2. Viện kiểm sát nhân dân theo quy định của Hiến pháp 195926

1.2.3. Viện kiểm sát nhân dân theo quy định của Hiến pháp 198030

1.2.4. Viện kiểm sát nhân dân theo quy định của Hiến pháp 199233

1.3. Viện kiểm sát, Viện công tố theo quy định của Hiến pháp

một số nước trên thế giới.....36

1.3.1. Viện kiểm sát Trung Quốc.....36

1.3.2. Viện công tố Pháp.....41

1.3.3. Viện công tố Anh Quốc.....44

1.3.4. Viện kiểm sát Liên bang Nga47

Chương 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN THEO QUY ĐỊNH CỦA

HIẾN PHÁP 199253

2.1. Cơ cấu tổ chức của Viện kiểm sát nhân dân53

2.2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân.....	55
2.2.1. Trong giai đoạn điều tra	56
2.2.2. Trong giai đoạn xét xử	57
2.3. Thực trạng thực thi các quy định của Hiến pháp 1992 về Viện kiểm sát nhân dân	61
2.3.1. Về cơ cấu tổ chức của Viện kiểm sát nhân dân	61
2.3.2. Về hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân	66
Chương 3: NHỮNG QUAN ĐIỂM, ĐỀ XUẤT HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA HIẾN PHÁP 1992 (SỬA ĐỔI 2001) VÀ NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA HIẾN PHÁP 2013 VỀ VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN	76
3.1. Những quan điểm hoàn thiện các quy định của Hiến pháp 1992 (sửa đổi 2001) về Viện kiểm sát nhân dân.....	76
3.2. Những đề xuất hoàn thiện các quy định của Hiến pháp 1992 (sửa đổi 2001) và những điểm mới của Hiến pháp 2013 về Viện kiểm sát nhân dân	81
3.2.1. Về vị trí, vai trò của Viện kiểm sát nhân dân trong Hiến pháp.....	82
3.2.2. Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân	85
3.2.3. Về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân	89
KẾT LUẬN	94
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	96

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

ở Việt Nam, thiết chế Viện công tố, sau này là Viện kiểm sát ra đời và phát triển cùng với quá trình thành lập và phát triển của nhà nước cách mạng. Kể từ khi thành lập đến nay, Viện kiểm sát luôn được khẳng định là cơ quan nhà nước độc lập trong bộ máy nhà nước. Trong thời kỳ đầu của Chính quyền dân chủ nhân dân, Viện công tố vẫn tồn tại trong hệ thống tòa án nên chưa hình thành hệ thống Viện kiểm sát nhân dân độc lập như ngày nay, song về hoạt động luôn thể hiện tính độc lập. Sau khi hệ thống Viện công tố chuyển thành hệ thống Viện kiểm sát nhân dân trong Hiến pháp năm 1959 đến nay, Viện kiểm sát nhân dân luôn được Hiến pháp xác định là cơ quan nhà nước có vị trí độc lập trong bộ máy nhà nước nhà nước. Viện kiểm sát là thiết chế du nhập từ mô hình mô hình tổ chức Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Viện kiểm sát là cơ quan độc lập thực hiện chức năng công tố và kiểm sát chung. Vị trí này được xác định trong các bản Hiến pháp 1959, 1980 và 1992. Xuất phát từ nhu cầu lý luận và thực tiễn đổi mới tổ chức quyền lực nhà nước, Hiến pháp 1992 (sửa đổi 2001) đã giới hạn chức năng của Viện kiểm sát: công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp. Những thảo luận gần đây tiếp tục đặt ra đối với việc đổi mới thiết chế Viện kiểm sát liên quan đến các vấn đề như chuyển từ mô hình Viện kiểm sát thành Viện Công tố, xây dựng Viện kiểm sát theo khu vực; sự ảnh hưởng của Viện kiểm sát trong hoạt động xét xử của tòa án thông qua chức năng kiểm sát tư pháp...

Ngày 28 tháng 11 năm 2013, tại kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XIII đã thông qua Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đây là Hiến pháp sửa đổi mới gồm 11 chương, 120 điều. Có thể nói Hiến pháp năm 1992 sửa đổi bổ sung năm 2013 (sau đây gọi tắt là Hiến pháp năm 2013) đã kết tinh được trí tuệ, ý chí, nguyện vọng của tuyệt đại đa số nhân dân, thể hiện được ý Đảng, lòng dân và sự đồng thuận của cả hệ thống chính trị. Trong Hiến pháp năm 1992 sửa đổi, bổ sung năm 2013, chế định Viện kiểm sát nhân dân được ghi nhận tại Chương VIII (cùng với Tòa án nhân dân) gồm 3 điều (Điều 107, 108, 109), quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, hệ thống tổ chức, nguyên tắc cơ bản về tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân, sự giám sát của các cơ quan dân cử đối với hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân. Các quy định về Viện kiểm sát nhân dân trong Hiến pháp năm 2013 là cơ sở pháp lý mang tính nền tảng cho việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật điều chỉnh tổ chức và

hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân. Quy định về Viện kiểm sát nhân dân đảm bảo phù hợp với chủ trương của Đảng đã được nêu trong Cương lĩnh, các văn kiện khác của Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI và các Nghị quyết của Bộ Chính trị về cải cách tư pháp, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật trong tình hình mới, bảo đảm ngày càng tốt hơn quyền con người, quyền công dân.

Hiến pháp năm 2013 đã tiếp tục khẳng định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân là thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp. Hiến pháp làm rõ hơn nguyên tắc hoạt động của Kiểm sát viên khi thực hiện quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp; sửa đổi quy định về hệ thống tổ chức Viện kiểm sát cho phù hợp với chủ trương cải cách tư pháp. Do đó, việc nghiên cứu tổng thể và có hệ thống về chế định Viện kiểm sát nhân dân trong Hiến pháp 2013 hiện nay có ý nghĩa cả về phương diện lý luận và phương diện thực tiễn, qua đó có cái nhìn toàn diện về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động của Viện kiểm sát nhân trong hệ thống các cơ quan Nhà nước, làm cơ sở cho việc sửa đổi, bổ sung Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2002, Pháp lệnh Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân năm 2002 và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Chính vì vậy tôi đã chọn đề tài: “**Chế định Viện kiểm sát nhân dân trong Hiến pháp Việt Nam**” làm đề tài nghiên cứu cho luận văn thạc sĩ của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong những năm gần đây đã có một số công trình khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ, Luận văn thạc sĩ, sách chuyên khảo nghiên cứu về hệ thống tư pháp Việt Nam có liên quan đến Viện kiểm sát nhân dân như Đề tài khoa học cấp Bộ *"Nghiên cứu những cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc xây dựng mô hình tổ chức và hoạt động của Viện Công tố ở Việt Nam theo yêu cầu cải cách tư pháp"* năm 2006, *"Cải cách các cơ quan tư pháp, hoàn thiện hệ thống các thủ tục tư pháp, nâng cao hiệu quả và hiệu lực xét xử của tòa án trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân"* năm 2006; Luận văn Thạc sĩ luật học: *"Viện kiểm sát nhân dân trong điều kiện cải cách tư pháp"*, của Phạm Thị Đào, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2011, Luận án Phó tiến sĩ Luật học: *"Vị trí, vai trò của Viện kiểm sát nhân dân trong bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam"* của Khuất Văn Nga, năm 1993; sách chuyên khảo: *"Mô hình tổ chức và hoạt động của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam"*, của GS.TSKH. Đào Trí úc, Nxb Tư pháp, 2006; *"Một số vấn đề về Hiến pháp và bộ máy nhà nước"*, của GS.TS. Nguyễn Đăng Dung, Nxb Giao thông vận

tải, 2002; "*Hệ thống tư pháp và cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay*", của tập thể các tác giả do GS.TS. Đào Trí úc chủ biên, Nxb Khoa học xã hội, 2002; "*Cơ quan công tố một số nước: Pháp, Đức, Anh, Mỹ, úc, Nga, Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Indonesia, Thái Lan*" của TS. Lê Hữu Thế... Bên cạnh đó còn có các bài viết liên quan đến chế định Viện kiểm sát nhân dân cũng như những nội dung đổi mới tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân được đăng trên các tạp chí như: "*Cải cách tư pháp ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền*", của TSKH Lê Cẩm, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 4, 2002; "*Yêu cầu của việc xây dựng Nhà nước pháp quyền đối với đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp*", của Nguyễn Mạnh Cường, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 10, 2002; "*Đổi mới tổ chức và hoạt động của cơ quan thực hiện chức năng thực hành quyền công tố đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*", của Phạm Hồng Hải, Tạp chí Kiểm sát, số 14, 2007; Tạp chí kiểm sát số 13 (tháng 7/2012) số chuyên đề: tổng kết thi hành và nghiên cứu và đề xuất sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992...

Các công trình khoa học, những bài viết đã nghiên cứu, đánh giá về những khía cạnh khác nhau trong chế định Viện kiểm sát nhân dân, tuy nhiên đến nay chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu một cách hệ thống, toàn diện, sâu sắc về chế định Viện kiểm sát nhân dân trong trong các bản Hiến pháp cũng như các vấn đề đặt ra trong việc sửa đổi Hiến pháp 2013 về chế định Viện kiểm sát nhân dân. Do vậy đề tài "*Chế định Viện kiểm sát nhân dân trong Hiến pháp Việt Nam*" không trùng lặp với bất kỳ đề tài khoa học, luận văn, luận án nào. Mặc dù vậy, các công trình khoa học, các bài viết trên đây là những tài liệu tham khảo có giá trị để nghiên cứu và hoàn thiện đề tài luận văn.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn.

3.1. Mục đích

Mục đích nghiên cứu của luận văn là làm rõ chế định Viện kiểm sát trong các bản Hiến pháp Việt Nam từ các quy định Hiến pháp đến tổ chức thực thi Hiến pháp. Đồng thời luận văn cũng đi sâu đánh giá những quan điểm, đề xuất và những vấn đề đặt ra trong quá trình sửa đổi Hiến pháp 2013.

3.2. Nhiệm vụ

Để thực hiện mục tiêu nêu trên, luận văn có các nhiệm vụ sau:

- *Thứ nhất*: làm rõ lịch sử hình thành và phát triển của Viện kiểm sát nhân dân qua các Hiến pháp 1946, 1959, 1980, 1992 có tham chiếu với quy định về Viện kiểm sát trong Hiến pháp ở một số nước trên thế giới, từ đó có sự đánh giá toàn diện và lịch sử về vị trí hiến định của Viện kiểm sát

nhân dân trong các bản Hiến pháp này, làm cơ sở đối chiếu, so sánh.

- *Thứ hai:* luận văn làm rõ về những quy định của Hiến pháp về vị trí, chức năng nhiệm vụ, tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân được quy định cụ thể trong Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, đồng thời đánh giá thực trạng về tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát hiện nay.

- *Thứ ba:* trên cơ sở lý luận, thực tiễn thực thi các quy định của Hiến pháp về Viện kiểm sát nhân dân, luận văn đánh giá các quan điểm, đề xuất và những vấn đề đặt ra trong quá trình sửa đổi Hiến pháp 2013.

4. Phạm vi nghiên cứu

Chế định Viện kiểm sát nhân dân là một vấn đề rất rộng và liên quan đến nhiều lĩnh vực. Do vậy phạm vi nghiên cứu của luận văn được giới hạn là những quy định về Viện kiểm sát nhân dân trong Hiến pháp được cụ thể trong Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, có sự so sánh, đánh giá với các bản Hiến pháp trong lịch sử quy định về cơ quan Viện kiểm sát cũng như Hiến pháp của một số nước trên thế giới từ đó có những quan điểm nhằm hoàn thiện các quy định về Viện kiểm sát

5. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin với phép duy vật biện chứng và duy vật lịch sử để nghiên cứu về chế định Viện kiểm sát nhân dân trong Hiến pháp Việt Nam. Ngoài ra, các lý luận liên quan đến chế định Viện kiểm sát nhân dân trong giai đoạn trước đây đã được tổng hợp, đúc kết sẽ được sử dụng làm tài liệu cho việc nghiên cứu đề tài cùng với vận dụng kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học có liên quan đến vị trí, chức năng, tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát cũng như các những quan điểm trong việc sửa đổi chế định Viện kiểm sát nhân dân trong Hiến pháp đã được nêu trong các bài viết, hội thảo khoa học để làm sâu sắc thêm các luận điểm.

Các phương pháp nghiên cứu cụ thể được sử dụng là phương pháp phân tích, tổng hợp; phương pháp lịch sử; phương pháp so sánh, đối chiếu, logic, bình luận...

6. Những đóng góp mới của luận văn

- Luận văn là công trình nghiên cứu một cách có hệ thống và luận cứ khoa học về vị trí, chức năng, nhiệm vụ quyền hạn... của Viện kiểm sát nhân dân trong Hiến pháp Việt Nam

- Khái quát quá trình hình thành, phát triển của Viện kiểm sát nhân dân trong các bản Hiến pháp Việt Nam và mô hình Viện kiểm sát của một số nước trên thế giới để từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm nhằm vận

dụng trong việc đổi mới Viện kiểm sát nhân dân trong Hiến pháp, đáp ứng yêu cầu của cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay.

- Trên cơ sở tổng hợp số liệu qua nhiều nguồn xác thực, luận văn đánh giá đúng thực trạng về tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát theo quy định của Hiến pháp 1992 đến nay.

- Phân tích các quan điểm, đề xuất hoàn thiện Hiến pháp 1992 (sửa đổi 2001) và những điểm mới của Hiến pháp 2013 về Viện kiểm sát.

7. ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Luận văn được nghiên cứu trong quá trình Hiến pháp năm 2013 đang được triển khai thực hiện trong cuộc sống. Kết quả nghiên cứu của luận văn sẽ góp phần làm sáng tỏ vị trí hiến định của Viện kiểm sát nhân dân trong Hiến pháp Việt Nam, nhằm nâng cao nhận thức về vị trí của Viện kiểm sát nhân dân trong Bộ máy nhà nước; về vai trò của Viện kiểm sát nhân dân trong hệ thống các cơ quan nhà nước.

Qua phân tích cơ sở lý luận và đánh giá thực trạng của Viện kiểm sát hiện nay, luận văn khẳng định tính tất yếu của chủ trương cải cách tư pháp hiện nay của Đảng, đóng góp những đề xuất cho việc hoàn thiện chế định Viện kiểm sát trong Hiến pháp hiện nay.

Kết quả nghiên cứu của đề tài có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho sinh viên, học viên cao học và những người quan tâm trong việc nghiên cứu chế định Viện kiểm sát nhân dân trong bối cảnh Hiến pháp năm 1992 vừa mới được sửa đổi, bổ sung.

8. Kết cấu luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của Luận văn gồm 03 chương được kết cấu như sau:

Chương 1. Sự hình thành và phát triển của Viện kiểm sát nhân dân.

Chương 2. Thực trạng tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân theo quy định của Hiến pháp 1992

Chương 3. Những quan điểm, đề xuất hoàn thiện các quy định của Hiến pháp 1992 (sửa đổi 2001) và những điểm mới của Hiến pháp 2013 về Viện kiểm sát nhân dân.

Chương 1 **SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN** **CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN**

1.1. Vị trí, vai trò của Viện kiểm sát nhân dân trong Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước kiểu mới, nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước ta là quyền lực nhà nước là thống nhất và tất cả quyền lực thuộc về nhân dân. Nhân dân thực hiện quyền lực của mình thông qua cơ quan đại diện cao nhất của nhân dân, do nhân dân bầu ra đó là Quốc hội với vị trí là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Tuy nhiên Quốc hội không nắm giữ toàn bộ quyền lực đó mà quyền lực nhà nước có sự phân công, phân nhiệm và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Điều này được ghi nhận cụ thể trong tất cả các Hiến pháp của nước ta.

Kể từ khi thành lập đến nay, Viện kiểm sát nhân dân luôn khẳng định được vị trí của mình trong bộ máy nhà nước ta. Ngay từ những ngày đầu thành lập nước đến Hiến pháp năm 1959, mặc dù tổ chức của Viện kiểm sát vẫn tồn tại trong hệ thống tòa án nên chưa hình thành một hệ thống Viện kiểm sát nhân dân độc lập như ngày nay, song về hoạt động luôn thể hiện tính độc lập. Sau khi hệ thống Viện công tố chuyển thành hệ thống Viện kiểm sát nhân dân trong Hiến pháp năm 1959 đến nay, vị trí của Viện kiểm sát nhân dân không hề thay đổi và luôn khẳng định vị trí độc lập trong bộ máy nhà nước, thống nhất từ trung ương đến địa phương.

Về chức năng của Viện kiểm sát: Hiến pháp quy định Viện kiểm sát nhân dân có chức năng thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp.

Khoản 3 Điều 107 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Viện kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ pháp chế, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất”. Theo quy định này thì Viện kiểm sát có ba vai trò cơ bản

Thứ nhất: Viện kiểm sát nhân dân có vai trò trong việc bảo đảm pháp chế, đảm bảo tính tối cao của Hiến pháp và pháp luật. Với vị trí độc lập trong tổ chức và hoạt động, Viện kiểm sát được xem là thiết chế có sứ mệnh quan trọng bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.

Thứ hai: Viện kiểm sát nhân dân có vai trò bảo vệ các quyền con người, quyền công dân. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước đề cao, tôn trọng và bảo đảm các quyền con người. Nhà nước quy định hệ thống những bảo đảm, bảo vệ quyền và tự do của

công dân. Hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Viện kiểm sát là một bảo đảm pháp lý quan trọng cho các quyền, tự do của công dân được tuân thủ và thực thi một cách hiện thực, chống các hành vi xâm phạm từ bất kỳ ai trước hết là sự lạm quyền của cơ quan nhà nước khi thực hiện nhiệm vụ của mình. Viện kiểm sát chính là một cơ chế hữu hiệu để kiểm soát quyền lực nhà nước, bảo đảm quyền con người được tôn trọng và thực thi nghiêm chỉnh.

Thứ ba: Viện kiểm sát nhân dân có vai trò bảo đảm các quyền và lợi ích của Nhà nước và xã hội. Viện kiểm sát nhân dân với đội ngũ các Kiểm sát viên có nhiệm vụ thực hành quyền công tố và kiểm soát hoạt động tư pháp chính là một thiết chế có vai trò bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Trong giai đoạn phát triển mới của đất nước nhiệm vụ đầy mạnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và cải cách tư pháp đến năm 2020 không làm thay đổi thể chế chính trị - nhà nước của nước ta. Viện kiểm sát nhân dân có vai trò là công cụ thực hiện hiệu quả tư tưởng Nhà nước pháp quyền, khẳng định nguyên tắc thượng tôn Hiến pháp, các đạo luật của Nhà nước. Viện kiểm sát phải là người bảo vệ pháp luật quan trọng nhất của quốc gia, bảo vệ các quyền, tự do cơ bản của công dân.

1.2. Viện kiểm sát nhân dân qua các bản Hiến pháp Việt Nam

1.2.1. Cơ quan công tố - tiền thân của Viện kiểm sát nhân dân theo quy định của Hiến pháp 1946

Ngày 9/11/1946, trên cơ sở tổng kết ý kiến đóng góp của nhân dân, tại Kỳ họp thứ 2 Quốc hội đã thông qua bản Hiến pháp đầu tiên của Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, bao gồm lời nói đầu, 7 chương với 70 điều. Về tổ chức của cơ quan tư pháp nói chung và cơ quan được giao thực hành quyền công tố nhà nước nói riêng được tổ chức rất đa dạng, linh hoạt phục vụ nhiệm vụ cách mạng, trong đó sự phát triển của ngành công tố từ khi ban hành Hiến pháp năm 1946 đến trước năm 1958 chủ yếu gắn liền với quá trình xây dựng và phát triển của ngành Tòa án.

Trong Hiến pháp năm 1946, hệ thống cơ quan tư pháp nói chung trong đó có cơ quan công tố được quy định tại 7 điều (từ Điều thứ 63 đến Điều thứ 69) trong Chương VI cơ quan tư pháp. Theo điều thứ 63 Hiến pháp 1946 quy định Cơ quan tư pháp của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa gồm có:

- +Tòa án tối cao
- + Các tòa án phúc thẩm

+ Các tòa án đệ nhị cấp và sơ cấp

Theo quy định về cơ quan tư pháp nói chung trong Hiến pháp 1946 thì không thấy quy định về cơ quan có chức năng công tố mà chỉ có hệ thống Tòa án các cấp. Vị trí và tổ chức của cơ quan kiểm sát được tổ chức trong hệ thống Tòa án.

Bên cạnh những quy định của Hiến pháp 1946 với tư cách là đạo luật chung nhất, thì hệ thống cơ quan kiểm sát (cơ quan công tố) được quy định trong các Sắc lệnh do Chính phủ ban hành.

1.2.2. Viện kiểm sát nhân dân theo quy định của Hiến pháp 1959

Tại Kỳ họp thứ 11 (ngày 31/12/1959) Quốc hội Khóa I đã chính thức thông qua Hiến pháp sửa đổi, ngày 01/01/1960 Chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh công bố. Hiến pháp năm 1959 bao gồm lời nói đầu, 10 chương với 112 điều, kế thừa và phát triển Hiến pháp năm 1946, trong tình hình mới của đất nước ta.

Cùng với việc quy định về tổ chức bộ máy nhà nước, Chương VIII Hiến pháp năm 1959 quy định về Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân, trong đó đã dành 5 điều (bao gồm các điều 15, điều 105, điều 106, điều 107, điều 108) quy định về vị trí, nguyên tắc cơ bản về tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân.

Hiến pháp năm 1959 được ban hành đánh dấu sự ra đời của Viện kiểm sát nhân dân thay cho Viện công tố trước kia, với tư cách là một cơ quan hiến định độc lập trong bộ máy nhà nước, thực hiện hai chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật và chức năng giám sát.

Cụ thể, Hiến pháp năm 1959 quy định:

Viện kiểm sát nhân dân tối cao nước Việt Nam dân chủ cộng hoà kiểm sát việc tuân theo pháp luật của các cơ quan thuộc Hội đồng Chính phủ, cơ quan Nhà nước địa phương, các nhân viên cơ quan Nhà nước và công dân. Các Viện kiểm sát nhân dân địa phương và Viện kiểm sát quân sự có quyền kiểm sát trong phạm vi do luật định.

Hiến pháp còn quy định Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao do Quốc hội bầu, chịu trách nhiệm trước Quốc hội.

Lần đầu tiên, chế định về cơ quan Viện kiểm sát xuất hiện trong Hiến pháp của Việt Nam. Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan trong cơ cấu tổ chức tư pháp nhà nước, thực hiện một chức năng mới của Nhà nước là chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước và công dân theo quy định của pháp luật. Sự ra đời của Viện kiểm sát nhân dân là do bản chất nhà nước và

nguyên tắc cơ bản về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước ta – quyền lực nhà nước là thống nhất, tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ quy định.

Căn cứ vào Hiến pháp 1959, ngày 15/7/1960, Quốc hội khóa II trong Kỳ họp thứ nhất đã thông qua *Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân* năm 1960 gồm 6 chương, 25 điều, quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân.

Như vậy, theo Hiến pháp 1959 Viện kiểm sát có sự thay đổi hoàn toàn về chất so với Viện công tố trước đây, thể hiện ở một số điểm sau

- Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan do Quốc hội thành lập

Viện kiểm sát nhân dân được thành lập từ trung ương tới địa phương tương ứng với hệ thống Tòa án nhân dân các cấp; không nằm trong cơ quan hành pháp như trước đây mà thành hệ thống cơ quan độc lập, tập trung thống nhất trong toàn ngành và đứng đầu là Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội

- Viện kiểm sát nhân dân các địa phương không phụ thuộc vào Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân.

- Viện kiểm sát trong thời kỳ này không áp dụng nguyên tắc song trùng trực thuộc nhằm tránh những tác động từ các cơ quan khác vào hoạt động của Viện kiểm sát nhằm bảo đảm pháp luật được thực hiện nghiêm chỉnh và thống nhất. Ngoài việc kế thừa chức năng công tố và quyền giám sát tư pháp của cơ quan Công tố ở giai đoạn trước, Viện kiểm sát còn được Nhà nước giao thực hiện cả chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật (kiểm sát chung) trên các lĩnh vực hành chính, kinh tế, xã hội và lĩnh vực hoạt động tư pháp.

1.2.3. Viện kiểm sát nhân dân theo quy định của Hiến pháp 1980

Sau hơn 4 năm chuẩn bị, ngày 18/12/1980, tại Kỳ họp thứ 7 Quốc hội Khóa VI đã biểu quyết thông qua Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1980, Hiến pháp 1980 bao gồm lời nói đầu, 12 chương với 147 Điều. Tiếp đó, ngày 4/7/1981 tại kỳ họp thứ I, khóa VII Quốc hội đã thông qua Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân và được Chủ tịch Hội đồng Nhà nước công bố ngày 13/7/1981. Sau đó Luật tổ chức Viện kiểm sát năm 1981 tiếp tục được sửa đổi, bổ sung năm 1989 với việc quy định rõ ràng, cụ thể hơn các đối tượng của chức năng giám sát và bổ sung thêm về vai trò của Viện kiểm sát nhân dân trong quan hệ với các cơ quan, tổ chức trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

Tại Chương 10 Hiến pháp năm 1980, có 05 điều trực tiếp quy định về Viện kiểm sát nhân dân, tiếp tục khẳng định vị trí, vai trò của Viện kiểm sát nhân dân trong bộ máy nhà nước và bổ sung thêm những quy định mới về Viện kiểm sát. Vai trò, chức năng và nhiệm vụ của hệ thống Viện kiểm sát nhân dân tiếp tục được khẳng định bởi Hiến pháp năm 1980 - bản Hiến pháp đầu tiên của đất nước Việt Nam thống nhất. Lần đầu tiên trong lịch sử lập hiến, nhiệm vụ tổng quát của hệ thống Viện kiểm sát nhân dân (cùng với Tòa án nhân dân) được quy định tại Điều 27 của Hiến pháp năm 1980. Về vai trò, vị trí của Viện kiểm sát nhân dân đã được khẳng định rõ hơn và có những điểm bổ sung mới trong Hiến pháp năm 1980. Tại Điều 138 của Hiến pháp năm 1980 quy định:

Viện kiểm sát nhân dân tối cao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam kiểm sát việc tuân theo pháp luật của các bộ và cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng, các cơ quan chính quyền địa phương, tổ chức xã hội và đơn vị vũ trang nhân dân, các nhân viên Nhà nước và công dân, thực hành quyền công tố, bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.

Các Viện kiểm sát nhân dân địa phương, các Viện kiểm sát quân sự kiểm sát việc tuân theo pháp luật, thực hành quyền công tố trong phạm vi trách nhiệm của mình.

Về nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Viện kiểm sát được quy định tại Điều 140, 141 Hiến pháp năm 1980. Cụ thể:

Viện kiểm sát nhân dân do Viện trưởng lãnh đạo. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp dưới chịu sự lãnh đạo của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp trên; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân các địa phương chịu sự lãnh đạo thống nhất của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Viện trưởng, các Phó Viện trưởng và kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân địa phương do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao bổ nhiệm và bãi miễn.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội; trong thời gian Quốc hội không họp thì chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng Nhà nước.

Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 1981, một mặt giữ lại những quy định về chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc tổ chức hoạt động còn phù hợp của Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 1960; mặt khác, bổ sung và cụ thể hóa về nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân, về mối quan hệ của Viện kiểm sát nhân dân với các cơ quan, nhân viên nhà

nước, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang và công dân, về tổ chức cán bộ của Viện kiểm sát nhân dân.

Như vậy, Hiến pháp năm 1980 đã nhấn mạnh đến chức năng “thực hành quyền công tố” của Viện kiểm sát nhân dân. Hiến pháp năm 1980 đã có một bước tiến bộ trong việc phân định hai chức năng cơ bản của Viện kiểm sát nhân dân, khẳng định thực hành quyền công tố là một chức năng độc lập, tồn tại song song với chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật; đã khắc phục được tình trạng chòng chéo về mặt chức năng, làm cho cả hai chức năng này được chú trọng như nhau, qua đó nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm và bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh, thống nhất.

1.2.4. Viện kiểm sát nhân dân theo quy định của Hiến pháp 1992

Hiến pháp năm 1992 ra đời trong bối cảnh đất nước đang trong tiến trình thực hiện đường lối đổi mới toàn diện, do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đề ra.

Ngày 15/4/1992 tại kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa VIII của nhà nước ta đã thông qua Hiến pháp năm 1992 thể chế đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam. So với Hiến pháp năm 1980 các quy định về Viện kiểm sát nhân dân trong Hiến pháp năm 1992 đã có sự kế thừa những quy định của Hiến pháp năm 1980, đồng thời có những điểm mới mang tính điển hình về nguyên tắc tổ chức và hoạt động. Viện kiểm sát nhân dân trong Hiến pháp năm 1992 vẫn giữ nguyên quy định Viện kiểm sát có hai chức năng là chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật và những quy định về tổ chức bộ máy của hệ thống cơ quan này về căn bản không có gì khác so với trước đây.

Trong lần sửa đổi Hiến pháp năm 2001, vấn đề chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát được tranh luận khá sôi nổi, nhất là vấn đề chức năng kiểm sát chung của hệ thống Viện kiểm sát nhân dân. Kết cục, theo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992 (Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25/12/2001), chức năng kiểm sát chung (kiểm sát việc tuân theo pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân) đã bị bãi bỏ. Viện kiểm sát nhân dân được yêu cầu tập trung vào làm tốt hai công tác chính là thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp (các hoạt động như khởi tố, điều tra, tạm giam, tạm giữ, xét xử, thi hành án).

Sau hơn mười năm Hiến pháp 1992 sửa đổi, bổ sung năm 2001 có hiệu lực thi hành, Viện kiểm sát nhân dân đã thể hiện được vị trí, vai trò của mình trong hệ thống các cơ quan nhà nước, tổ chức và hoạt động của

Viện kiểm sát nhân dân được nâng lên rất nhiều. Tuy nhiên đến nay đất nước có nhiều thay đổi trong bối cảnh tình hình quốc tế có nhiều biến đổi to lớn, sâu sắc và phức tạp. Vì vậy mà ngày 28 tháng 11 năm 2013 tại kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XIII đã thông qua Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Về chế định Viện kiểm sát, Hiến pháp năm 2013 tiếp tục khẳng định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân là thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp, Hiến pháp làm rõ hơn nguyên tắc hoạt động của Kiểm sát viên khi thực hiện quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp; sửa đổi quy định về hệ thống tổ chức Viện kiểm sát cho phù hợp với chủ trương cải cách tư pháp.

Từ góc độ tổ chức và hoạt động, Hiến pháp năm 1992 sửa đổi, bổ sung năm 2013 có hai điểm mới:

Thứ nhất: Hiến pháp năm 2013 quy định đầy đủ và cụ thể hơn vai trò của Viện kiểm sát nhân dân trong việc bảo vệ quyền công dân, quyền con người.

Thứ hai: Hệ thống Viện kiểm sát có sự thay đổi bao gồm Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các Viện kiểm sát khác do luật định. Quy định này phù hợp với tiến trình cải cách tư pháp hiện nay của đất nước là hệ thống Viện kiểm sát sẽ tổ chức tương ứng với hệ thống Tòa án bao gồm bốn cấp.

Thứ ba: chế định ủy ban kiểm sát đã không còn được quy định trong Hiến pháp năm 2013 và hoạt động của Viện kiểm sát khác cũng có sự thay đổi đáng kể.

1.3. Viện kiểm sát, Viện công tố theo quy định của Hiến pháp một số nước trên thế giới

1.3.1. Viện kiểm sát Trung Quốc

Điều 129 Hiến pháp nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa quy định: “Viện kiểm sát nhân dân Trung Hoa là cơ quan giám sát pháp luật nhà nước...”. Viện kiểm sát có chức năng, quyền hạn cụ thể như sau:

* Thực hành quyền giám sát đối với các vụ án phản quốc, chia rẽ đất nước và các vụ án phạm tội to lớn, phá hoại nghiêm trọng việc thực hiện thống nhất chính sách, pháp luật, pháp lệnh, quy chế hành chính của Nhà nước.

* Tiến hành điều tra đối với vụ án hình sự được trực tiếp thụ lý.

* Kiểm sát việc điều tra vụ án hình sự do cơ quan công an tiến hành; quyết định việc bắt giữ, truy tố hoặc miễn tố đối với các vụ án do cơ quan công an điều tra; giám sát hoạt động điều tra của cơ quan công an.

* Khởi tố và hỗ trợ truy tố đối với các vụ án hình sự; giám sát hoạt động xét xử của Tòa án.

* Giám sát việc chấp hành phán quyết và quyết định của các vụ án hình sự, hoạt động của trại giam, nơi tạm giam và cơ quan cải tạo lao động.

1.3.2. Viện công tố Pháp

Viện công tố là cơ quan truy tố tội phạm và là cơ quan đại diện cho xã hội bảo vệ lợi ích chung, bảo đảm việc áp dụng thống nhất pháp luật. Công tố viên có thẩm quyền trong tất cả các lĩnh vực pháp luật gồm: lĩnh vực hình sự, lĩnh vực dân sự, hành chính, cụ thể:

+ Trong lĩnh vực hình sự

Trong hoạt động điều tra vụ án hình sự, Viện công tố có trách nhiệm tiếp nhận việc xử lý tin báo, tố giác về tội phạm; chỉ đạo điều tra, đưa ra yêu cầu điều tra buộc Cảnh sát tư pháp phải thực hiện; có quyền tự điều tra, quyết định việc truy tố, quyết định mở các cuộc điều tra theo chế độ dự thẩm.

Trong hoạt động xét xử vụ án hình sự, Viện công tố phải tham gia phiên tòa hình sự. Tại phiên tòa, Công tố viên phải tham gia tranh tụng với tư cách là bên buộc tội và đưa ra những kết luận của mình khi phần tranh tụng kết thúc. Bản án hình sự sẽ không có hiệu lực nếu không có mặt của Công tố viên khi tuyên án

Trong hoạt động thi hành án hình sự, Viện công tố chịu trách nhiệm thi hành các bản án, quyết định hình sự.

+ Trong lĩnh vực dân sự, hành chính

Viện công tố Pháp có vai trò quan trọng trong lĩnh vực dân sự, hành chính với tư cách nhân danh công quyền để bảo vệ lợi ích chung, Viện công tố chủ động tham gia tố tụng trong những trường hợp do pháp luật quy định. Ngoài ra, Viện công tố có thể tham gia tố tụng để bảo vệ trật tự công khi có hành vi xâm hại trật tự công.

1.3.3. Viện công tố Anh Quốc

Hệ thống cơ quan công tố Hoàng gia Anh bao gồm:

+ Cơ quan công tố trung ương;

+ Cơ quan công tố khu vực và các chi nhánh

Hiện nay, hệ thống cơ quan công tố có trụ sở chính tại London, York và Birmingham và 42 cơ quan công tố khu vực trên địa giới hành chính của nước Anh và xứ Wales tương ứng với 42 cơ quan cảnh sát, trong đó cơ quan Công tố khu vực London phụ trách hoạt động của khu vực thành phố London và lực lượng cảnh sát thủ đô.

Dưới mỗi văn phòng Công tố khu vực có chi nhánh công tố. Chi

nhánh công tố này do một Công tố viên phụ trách gồm một số cán bộ làm án và luật sư. Chi nhánh công tố viên có liên hệ chặt chẽ với cảnh sát địa phương và các cơ quan bảo vệ pháp luật khác trên địa bàn

- Cán bộ Viện Công tố

Nhân sự của Viện công tố trung ương bao gồm: Tổng công tố, Tổng giám đốc điều hành, giám đốc các bộ phận làm án, giám đốc các bộ phận chính sách, luật sư – công tố viên, cán bộ làm án và nhân viên hành chính

Nhân sự của Viện Công tố khu vực bao gồm Công tố trưởng, giám đốc điều hành, các luật sư của công tố và cán bộ làm án

Có thể thấy rằng vai trò của Công tố viên ở các nước theo truyền thống Luật án lệ với mô hình tố tụng tranh tụng không được đề cao so với các nước theo truyền thống Luật lục địa với mô hình tố tụng thẩm tra. Nếu như trong mô hình tố tụng thẩm tra, việc tìm ra sự thật là một quá trình điều tra, truy tố, xét xử thì đối với mô hình tố tụng tranh tụng, việc tìm ra sự thật chỉ thực sự bắt đầu ở giai đoạn xét xử và vai trò của Công tố viên với tư cách là người buộc tội thể hiện rõ ở giai đoạn này.

1.3.4. Viện kiểm sát Liên bang Nga

Viện kiểm sát Liên bang Nga có chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật. Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát Liên bang Nga trong các lĩnh vực tố tụng hình sự và tố tụng dân sự được quy định cụ thể trong Luật liên bang về Viện kiểm sát Liên Bang Nga

Hệ thống Viện kiểm sát Liên bang Nga được tổ chức theo đơn vị hành chính, bao gồm:

- + Viện kiểm sát Trung ương Liên bang Nga;
- + Viện kiểm sát các chủ thể thuộc Liên bang Nga và cấp tương đương;
- + Viện kiểm sát các thành phố, quận, huyện và cấp tương đương; các Viện kiểm sát chuyên trách (như: Viện kiểm sát trong lĩnh vực giao thông, Viện kiểm sát trong lĩnh vực bảo vệ môi trường...);
- + Các Viện nghiên cứu khoa học, các Trường đào tạo cán bộ kiểm sát;
- + Hệ thống Viện kiểm sát quân sự các cấp.

Viện kiểm sát các chủ thể thuộc Liên bang Nga và cấp tương đương bao gồm: Viện kiểm sát các nước cộng hòa, Viện kiểm sát các vùng, khu vực, thành phố trực thuộc liên bang (thành phố Mátxcova và thành phố Saint-Peterburg), Viện kiểm sát các vùng tự trị, các khu vực tự trị, Viện kiểm sát quân sự (hạm đội) và các Viện kiểm sát chuyên trách. Số lượng các chủ thể thuộc Liên bang Nga do Hiến pháp Liên bang Nga quy định (tại Điều 65). Có bao nhiêu chủ thể thì có bấy nhiêu Viện kiểm sát các chủ thể. Hiện

có tổng cộng 89 Viện kiểm sát các chủ thể thuộc Liên bang Nga.

Trong hệ thống Viện kiểm sát các chủ thể thuộc Liên bang Nga và cấp tương đương có các Viện kiểm sát thành phố, quận, huyện trực thuộc các chủ thể và các Viện kiểm sát ngang cấp với chúng.

Như vậy, qua nghiên cứu cơ quan công tố của các quốc gia điển hình trên thế giới ta có thể đưa ra một số kết luận sau:

+ Thứ nhất, ở các quốc gia cơ quan Công tố được tổ chức và hoạt động rất khác nhau do sự khác biệt về chế độ chính trị cũng như điều kiện kinh tế, xã hội.

+ Thứ hai, ở tất cả các quốc gia, người đứng đầu ngành công tố có vị trí, vai trò quan trọng trong bộ máy nhà nước, thường do Quốc hội, nguyên thủ quốc gia hay người đứng đầu Chính phủ bổ nhiệm. Điều đó cho thấy ngành công tố có vị trí, vai trò quan trọng trong bộ máy nhà nước

+ Thứ ba, ngoài chức năng, nhiệm vụ thực hành quyền công tố, các cơ quan công tố còn được giao những chức năng, nhiệm vụ trên các lĩnh vực tư pháp

+ Thứ tư, cũng giống như nước ta, hầu hết tất cả các quốc gia theo truyền thống pháp luật Châu Âu lục địa đều khẳng định vai trò quyết định của cơ quan công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, có chức năng chỉ đạo hoạt động điều tra và quyết định việc truy tố.

+ Thứ năm, tổ chức bộ máy của hệ thống các cơ quan công tố trên thế giới được tổ chức linh hoạt, đa dạng phù hợp với tổ chức của Tòa án.

Chương 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN THEO QUY ĐỊNH CỦA HIẾN PHÁP 1992

2.1. Cơ cấu tổ chức của Viện kiểm sát nhân dân

Cơ cấu tổ chức của Viện kiểm sát nhân dân được quy định tại Chương VIII Hiến pháp 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2013) và tại Chương VII Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2002.

Theo Hiến pháp thì Viện kiểm sát nhân dân bao gồm Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các Viện kiểm sát khác do luật định. Hiện nay, theo tinh thần cải cách tư pháp thì tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát được tổ chức theo hướng: Tổ chức hệ thống Viện kiểm sát nhân dân thành 4 cấp, phù hợp với hệ thống tổ chức của Tòa án nhân dân.

Hiện nay, trên cơ sở của Hiến pháp năm 1992 sửa đổi, bổ sung năm 2001 thì Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân quy định các Viện kiểm sát được tổ chức thành một hệ thống độc lập, thống nhất và được tổ chức theo đơn vị hành chính bao gồm: Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Các Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Các Viện kiểm sát nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc trực thuộc tỉnh; Các Viện kiểm sát quân sự.

2.2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân

Điều 107 Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2013) quy định chức năng Viện kiểm sát nhân dân: “Viện kiểm sát nhân dân thực hành tối cao thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp”

Điều 107 Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2013) quy định ba nhiệm vụ chung của Viện kiểm sát nhân dân: “Viện kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất”. Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2002 đã quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát và được thể hiện trên 05 lĩnh vực sau:

- * Thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra các vụ án hình sự
- * Thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử các vụ án hình sự:
- * Kiểm sát các hoạt động tư pháp

2.3. Thực trạng thực thi các quy định của Hiến pháp 1992 về Viện kiểm sát nhân dân

2.3.1. Về cơ cấu tổ chức của Viện kiểm sát nhân dân

Hiện nay, theo quy định của Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2013) thì hệ thống Viện kiểm sát nhân dân bao gồm Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các Viện kiểm sát khác do luật định. Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2002 căn cứ vào Hiến pháp năm 1992 sửa đổi, bổ sung năm 2001 quy định hệ thống cơ quan Viện kiểm sát được tổ chức theo đơn vị hành chính, gồm 3 cấp, bao gồm: Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi tắt là Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh); Viện kiểm sát nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (gọi tắt là Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện) và các Viện kiểm sát quân sự (bao gồm: Viện kiểm sát quân sự Trung ương, Viện kiểm sát quân sự quân khu và tương đương, Viện kiểm sát quân sự khu vực).

Qua nghiên cứu thực trạng tổ chức bộ máy của Viện kiểm sát nhân dân có thể thấy: Về công tác tổ chức, cán bộ, trong những năm qua Ban cán sự Đảng Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã tập trung chỉ đạo thực hiện một số việc trọng tâm về công tác tổ chức bộ máy như thành lập mới, kiện toàn một số đơn vị tại Viện kiểm sát nhân dân tối cao, củng cố Cơ quan điều tra, Trường đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ Kiểm sát, thành lập các đơn vị cấp phòng tại các đơn vị nghiệp vụ thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Phân cấp và tăng cường trách nhiệm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân các địa phương trong công tác quản lý, sử dụng cán bộ.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Viện kiểm sát có những chuyển biến rõ rệt và đã đạt được những hiệu quả nhất định.

Hiện nay, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã từng bước triển khai áp dụng việc thi tuyển đối với các chức danh Kiểm sát viên cũng như thi tuyển để bổ nhiệm chức danh Lãnh đạo của Viện kiểm sát các cấp thay thế cho hình thức bổ nhiệm trước kia.

Tuy nhiên, cũng phải nhìn nhận khách quan là tổ chức bộ máy hiện nay của Viện kiểm sát nhân dân chưa thực sự phù hợp với yêu cầu thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong tình hình mới.

2.3.2. Về hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân

2.3.2.1. Công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong lĩnh vực hình sự

Theo Báo cáo 4 năm thực hiện Nghị quyết 08 của Bộ Chính trị, từ năm 2002 đến năm 2005, Viện kiểm sát các cấp đã quyết định hủy bỏ 278 quyết định khởi tố vụ án, 78 quyết định không khởi tố vụ án không đúng của Cơ quan điều tra

Riêng năm 2013 (số liệu tính từ 01/12/2012 đến 30/11/2013), Viện kiểm sát các cấp thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra đối với 94.982 vụ án/151.786 bị can, trong đó không phê chuẩn khởi tố bị can đối với 300 người do không đủ căn cứ pháp luật, không phê chuẩn lệnh tạm giam và lệnh bắt tạm giam đối với 402 bị can, truy tố 67.836 vụ án/121.566 bị can (tăng 0,68% số vụ, 3,82% số bị can so với cùng kỳ năm 2012), đạt 98,7% về số vụ, 98,1% về số bị can so với số vụ và số bị can đã xử lý.

2.3.2.2. Công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù

Chỉ tính riêng trong 4 năm (2010 – 2013) toàn ngành đã tiến hành kiểm sát 20.027 lần nhà tạm giữ, 1.427 lần trại tạm giam, trại giam. Theo

đó, năm 2013 Viện kiểm sát các cấp đã ban hành 2.991 kháng nghị, kiến nghị yêu cầu cơ quan quản lý nhà tạm giữ, trại tạm giam khắc phục vi phạm pháp luật trong công tác này và quyết định trả tự do cho 43 người có mức án tù bằng thời hạn tạm giam.

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn xảy ra tình trạng vi phạm pháp luật trong việc bắt, tạm giữ hình sự; việc tạm giam kéo dài quá hạn luật định; lượng phê chuẩn tạm giữ, tạm giam còn nhiều hạn chế, dẫn đến nhiều trường hợp không cần thiết tạm giam cũng tạm giam, sau đó phải đình chỉ điều tra, tạm giam nhưng Tòa án không phạt tù giam.

2.3.2.3. Công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ việc dân sự, các vụ án hành chính và những việc khác theo quy định của pháp luật

- Kiểm sát việc giải quyết các vụ việc về dân sự, hôn nhân và gia đình:

Từ 1/1/2005, theo Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2010), nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khác nhiều với những quy định trước đây trong Pháp lệnh về thủ tục giải quyết các vụ án dân sự và nhất là với các quy định của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2002. Theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2010), Viện kiểm sát không thực hiện khởi tố các vụ án dân sự, không tham gia 100% các phiên tòa xét xử sơ thẩm, phúc thẩm vụ án dân sự, không xác minh, thu thập chứng cứ...

- Kiểm sát việc giải quyết các vụ án hành chính, các vụ việc về kinh doanh, thương mại, lao động và các việc khác theo quy định của pháp luật:

Từ năm 2010 - 2013, Viện kiểm sát các cấp tham gia 2710 phiên tòa sơ thẩm; đã kháng nghị phúc thẩm và Tòa án đã đưa ra xét xử là 71 vụ việc, Tòa án đã chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát là 49 vụ việc, đạt tỷ lệ 69%; kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm là 89 vụ việc, Tòa án chấp nhận kháng nghị là 55 vụ việc, đạt tỷ lệ 61,8%. Bên cạnh hoạt động kháng nghị, Viện kiểm sát còn ban hành nhiều kiến nghị, yêu cầu Tòa án khắc phục các vi phạm của Tòa án như chậm ra thông báo thụ lý, chậm chuyển các quyết định, bản án, hồ sơ vụ việc làm ảnh hưởng đến thời gian xem xét việc kháng nghị của Viện kiểm sát đối với những bản án, quyết định của Tòa án có vi phạm

2.3.2.4. Công tác kiểm sát việc thi hành án

Viện kiểm sát các cấp đã ban hành nhiều kháng nghị, kiến nghị, yêu cầu Tòa án kịp thời ra quyết định thi hành án; từ năm 2010 đến năm 2013 Viện kiểm sát các cấp đã kháng nghị, kiến nghị 4.740 trường hợp; Viện kiểm sát các cấp yêu cầu Tòa án ra 1087 quyết định thi hành án, yêu cầu

cơ quan công an ra 279 quyết định truy nã và yêu cầu áp giải 1861 bị án. Viện kiểm sát các cấp đã ban hành 3.633 kiến nghị, kháng nghị yêu cầu các cơ quan có liên quan khắc phục vi phạm nhằm nâng cao hiệu quả công tác thi hành án hình sự.

2.3.2.5. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiểm sát việc giải quyết khiếu nại tố cáo trong hoạt động tư pháp

Từ năm 2010 đến năm 2013, Viện kiểm sát nhân dân các cấp đã tiếp nhận và giải quyết 74.326 vụ việc. Chất lượng giải quyết khiếu nại, tố cáo của Viện kiểm sát ngày càng được nâng cao, có nhiều vụ việc khiếu nại phức tạp, kéo dài đã được giải quyết. Tất cả các đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến cán bộ kiểm sát đều được xem xét, xác minh, kết luận, xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

Chương 3

NHỮNG QUAN ĐIỂM, ĐỀ XUẤT HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA HIẾN PHÁP 1992 (SỬA ĐỔI 2001) VÀ NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA HIẾN PHÁP 2013 VỀ VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN

3.1. Những quan điểm hoàn thiện các quy định của Hiến pháp 1992 (sửa đổi 2001) về Viện kiểm sát nhân dân

Chế định Viện kiểm sát nhân dân trong Hiến pháp 1992 (sửa đổi 2001) đã được sửa đổi trên cơ sở những quan điểm chỉ đạo, yêu cầu như sau:

Thứ nhất: Việc sửa đổi chế định Viện kiểm sát nhân dân phải dựa trên cơ sở các chủ trương, quan điểm, định hướng của Đảng về cải cách bộ máy nói chung và cải cách tư pháp nói riêng, đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; phải dựa trên cơ sở các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước.

Thứ hai: phải đảm bảo tính kế thừa truyền thống, kinh nghiệm tổ chức và hoạt động của cơ quan công tố (kiểm sát) của Nhà nước gần 80 năm qua, nhất là gần 60 năm tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát; đồng thời tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm tổ chức và hoạt động của cơ quan công tố/kiểm sát của các nước trên thế giới và trong khu vực, phù hợp với truyền thống văn hóa, điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội cụ thể của nước ta.

Thứ ba: phải được tiến hành khẩn trương, tích cực, những cần phải thận trọng, có bước đi vững chắc, phù hợp với điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước.

3.2. Những đề xuất hoàn thiện các quy định của Hiến pháp 1992 (sửa đổi 2001) và những điểm mới của Hiến pháp 2013 về Viện kiểm sát nhân dân

3.2.1. Về vị trí, vai trò của Viện kiểm sát nhân dân trong Hiến pháp

Trong quá trình sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992 vừa qua thì đã có rất nhiều tranh cãi, bàn luận về vị trí, vai trò của Viện kiểm sát nhân dân trong hệ thống bộ máy nhà nước. Căn cứ vào đặc điểm của hệ thống chính trị, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước ta cũng như thực trạng hoạt động bảo vệ công lý cho người dân của các cơ quan tư pháp nước ta và qua tổng kết quá trình xây dựng, phát triển của ngành kiểm sát và tham khảo kinh nghiệm của các nước trên thế giới, cho thấy, cần tiếp tục khẳng định hệ thống tổ chức Viện kiểm sát là một hệ thống cơ quan độc lập trong bộ máy nhà nước, thống nhất từ Trung ương đến địa phương, do Quốc hội lập ra. Vị trí đó đảm bảo cho Viện kiểm sát thực hiện có hiệu quả chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp.

Mặt khác các quy định về Viện kiểm sát nhân dân trong Hiến pháp nên được quy định thành một chương riêng, tách rời với Tòa án nhân dân. Có như vậy mới đảm bảo vị trí hiến định độc lập của Viện kiểm sát nhân dân, làm cơ sở nhằm đảm bảo cho Viện kiểm sát thực hiện tốt nhất vai trò, chức năng nhiệm vụ của mình.

3.2.2. Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân

Trong quá trình sửa đổi Hiến pháp vừa qua có nhiều ý kiến liên quan đến chức năng của Viện kiểm sát.

Loại ý kiến thứ nhất cho rằng, Viện kiểm sát cần tập trung thực hiện tốt chức năng công tố, khắc phục tình trạng cắt khúc giữa hoạt động điều tra của cơ quan điều tra với hoạt động kiểm sát điều tra của Viện kiểm sát.

Loại ý kiến thứ hai cho rằng, cần giữ nguyên chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp. Tuy nhiên, phải hoàn thiện Viện kiểm sát về các mặt như tổ chức bộ máy, phương thức hoạt động, đội ngũ cán bộ v.v..., nhằm xây dựng một nền công tố mạnh. Viện kiểm sát thực hiện tốt nhất vai trò, chức năng nhiệm vụ của mình.

Theo tôi, việc giám sát các hoạt động tư pháp cụ thể không nên giao cho các cơ quan hành chính hoặc các cơ quan tư pháp khác, mà tiếp tục giao cho Viện kiểm sát thực hiện là hợp lý. Ngoài ra, có một số lĩnh vực rất đặc biệt, liên quan trực tiếp đến quyền cơ bản và trách nhiệm của công dân, liên quan đến tính ưu việt của chế độ xã hội như vấn đề tạm giữ, tạm giam, thi hành án phạt tù, thi hành các loại án hình sự, dân sự v.v..., không

có cơ chế nào bảo đảm sự giám sát tốt hơn là củng cố và tăng cường công tác kiểm sát tuân theo pháp luật của Viện kiểm sát đối với các hoạt động của tổ chức và cá nhân liên quan đến lĩnh vực này.

Với phân tích trên đây cho thấy, về chức năng của Viện kiểm sát hiện nay vẫn nên giữ nguyên theo hướng “Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp” như Hiến pháp năm 2013 quy định. Tuy nhiên Viện kiểm sát sẽ phải thực hiện đồng bộ các biện pháp đổi mới về tổ chức bộ máy, về các phương thức công tác kiểm sát và xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm sát theo tinh thần cải cách tư pháp. Có như vậy thì Viện kiểm sát mới thực sự đảm nhiệm tốt được hai chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp được.

3.2.3. Về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân

Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị đã nêu rõ: Viện kiểm sát nhân dân được tổ chức phù hợp với hệ thống tổ chức của Tòa án. Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW, ngày 28/7/2010, Bộ Chính trị đã có Kết luận số 79-KL/TW xác định rõ quan điểm, phương hướng đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án, Viện kiểm sát và cơ quan điều tra, theo đó Viện kiểm sát được tổ chức phù hợp với hệ thống tổ chức của Tòa án theo thẩm quyền xét xử, không phụ thuộc vào đơn vị hành chính. Như vậy, hệ thống tổ chức của Viện kiểm sát trong tương quan với hệ thống tổ chức Tòa án theo thẩm quyền xét xử sẽ được xác định gồm có 4 cấp như sau:

- Viện kiểm sát khu vực được tổ chức tương đương với Tòa án sơ thẩm khu vực, được thành lập trên cơ sở một hoặc một số Viện kiểm sát cấp huyện trong phạm vi địa hạt tư pháp của Tòa án sơ thẩm khu vực.

- Các Viện kiểm sát tỉnh được tổ chức tương đương với các Tòa án phúc thẩm (cấp tỉnh), được thành lập chủ yếu trên cơ sở Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi địa hạt tư pháp của Tòa án phúc thẩm.

- Các Viện kiểm sát cấp cao được tổ chức theo khu vực tương đương với các Tòa án nhân dân cấp cao.

- Viện kiểm sát tối cao được tổ chức tương đương với Tòa án tối cao.

KẾT LUẬN

Viện kiểm sát nhân dân với tư cách là một cơ quan hiến định độc lập trong Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2013) đã cho thấy được vị trí, vai trò rất quan trọng trong bộ máy nhà nước ta nói chung. Trong thời gian qua, cơ quan Viện kiểm sát đã góp phần to lớn trong công cuộc

xây dựng và bảo vệ đất nước. Để khắc phục tình trạng trên, luận văn đã kết hợp hài hòa các phương pháp nghiên cứu và tiếp thu những thành tựu khoa học của người đi trước, phân tích, đánh giá các vấn đề lý luận và thực tiễn còn vướng mắc, còn nhiều quan điểm khác nhau để làm luận cứ khoa học; nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển của các cơ quan Viện kiểm sát; thực trạng thi hành các quy định của Hiến pháp năm 1992 về Viện kiểm sát từ đó đề ra phương hướng, đề xuất hoàn thiện các quy định về Viện kiểm sát nhân dân trong Hiến pháp Việt Nam, cụ thể:

- Nghiên cứu, phân tích vị trí, vai trò, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Viện kiểm sát trong Hiến pháp; nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển, tổ chức và hoạt động của cơ quan Viện kiểm sát ở một số nước trên thế giới, ở Việt Nam nhằm đúc kết bài học kinh nghiệm, vận dụng trong việc hoàn thiện chế định Viện kiểm sát nhân dân trong Hiến pháp Việt Nam

- Thông qua việc phân tích, đánh giá một cách toàn diện về thực trạng tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân từ Hiến pháp năm 1992 đặc biệt là từ năm 2002 đến nay, chỉ ra những mặt đạt được, những tồn tại, thiếu sót và nguyên nhân của nó.

- Trên những cơ sở lý luận, những kinh nghiệm rút ra của các nước trên thế giới cũng như ở Việt Nam; những đánh giá về thực trạng của Viện kiểm sát trong những năm qua; những yêu cầu đổi mới, những chủ trương của Đảng và Nhà nước ta về cải cách tư pháp để từ đó hình thành nên những quan điểm, xây dựng phương hướng và giải pháp thực hiện việc hoàn thiện chế định Viện kiểm sát nhân dân trong Hiến pháp Việt Nam.

Như vậy, về cơ bản, tác giả đã hoàn thành những mục tiêu đề ra khi nghiên cứu **"Chế định Viện kiểm sát nhân dân trong Hiến pháp Việt Nam"**. Tuy nhiên, trong khuôn khổ của một đề tài luận văn thạc sĩ, những vấn đề đặt ra mới chỉ có tính chất gợi mở mà chưa thực sự được nghiên cứu, giải quyết triệt để. Hi vọng Hiến pháp Việt Nam năm 2013 mới ban hành sẽ đảm bảo thực hiện tốt chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân, góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp mà Đảng và Nhà nước ta đã và đang khẩn trương tiến hành.